



TOA

LOA THÔNG BÁO

LOA GẮN TRẦN

Loại có móc treo



PC-1869



PC-2369



PC-2852



PC-2869



PC-648R



PC-658R

Công suất(100 V line)	6W	6W	15W	6W	6W	6W
Trở kháng	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ	100 V line: 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ, 3.3 kΩ 70 V line: 330 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ, 3.3 kΩ	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ
Cường độ âm (1 W, 1 m)	90 dB	93 dB	96 dB	94 dB	90 dB	90 dB
Đáp tuyến tần số	55 – 18,000 Hz	45 – 20,000 Hz	45 – 20,000 Hz	40 – 20,000 Hz	100 – 18,000 Hz	65 – 18,000 Hz
Đường kính lỗ gắn trần	ø150 +/-3 mm	ø200 +/-3 mm	ø250 +/-3 mm	ø250 +/-3 mm	ø145 +/-5 mm	ø170 +/-5 mm
Thành phần loa	Loa hình nón đường kính 12 cm	Loa hình nón đường kính 16 cm	Loa hình nón đường kính 20 cm	Loa hình nón đường kính 20 cm	Loa hình nón đường kính 12 cm	Loa hình nón đường kính 16 cm
Vật liệu		Vành loa: thép mạ, trắng nhạ / Mặt lưới: lưới thép phủ màu trắng nhạ			Vành loa: Nhựa Polypropylene trắng nhạ / Mặt lưới: lưới thép phủ màu trắng nhạ	
Kích thước	ø180 x 72(S) mm	ø230 x 79 (S) mm	ø280 x 92(S) mm	ø280 x 92(S) mm	ø168 x 77(S) mm	ø192 x 73(S) mm
Khối lượng	620g	760g	1.6 kg	1.4 kg	470g	500g
Đặc điểm		• Kiểu móc treo • Kiểu móc SUS mới • Bề mặt mờng			• Kiểu móc treo • Móc treo kiểu đàn hồi dễ dàng lắp đặt	

Loa gắn trần nổi



PC-2268



PC-2268WP

Loa gắn trần phòng sạch



PC-3CL



PC-5CL



PC-3WR



PC-1867F



PC-1867FC

Công suất (100 V line)	6W	6W	3W	5W	3W, 1W	6W	6W
Trở kháng	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ	100 V line: 3.3 kΩ, 10 kΩ 70 V line: 3.3 kΩ, 10 kΩ	100 V line: 2kΩ 70 V line: 2kΩ	3.3 kΩ, 10 kΩ	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13kΩ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13kΩ	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13kΩ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13kΩ
Cường độ âm (1 W, 1 m)	90 dB	90 dB	87 dB	87 dB	88 dB	90 dB	90 dB
Đáp tuyến tần số	160 – 14,000 Hz	160 – 16,000 Hz	150 – 20,000 Hz	150 – 20,000 Hz	180 – 20,000 Hz	100 – 16,000 Hz	160 – 13,000 Hz
Đường kính lỗ gắn trần	—	—	ø100 mm	ø98 mm	ø150 mm	ø156 mm +/-3 mm	ø156 mm +/-3 mm
Thành phần loa	Loa hình nón đường kính 12 cm	Loa hình nón đường kính 12 cm	—	—	—	Loa hình nón đường kính 12 cm	Loa hình nón đường kính 12 cm
Vật liệu	Vành loa: nhựa HIPS chống cháy/ Mặt lưới: nhựa HIPS chống cháy	Vành loa: Nhựa ABS màu trắng nhạ Mặt lưới: Nhựa ABS màu trắng nhạ	Vành loa: hợp kim bọc nhựa ABS/ Mặt lưới: thép không gỉ			Vành loa: nhôm màu trắng nhạ / Mặt lưới: nhôm màu trắng nhạ	
Kích thước	ø220 x 80.5 (S) mm	ø260 x 92 (S) mm	ø139 x 104.5 (S) mm	ø116 x 110 (S) mm	ø180 x 120 (S) mm	ø180 x 121(S) mm	ø180 x 121(S) mm
Khối lượng	880g	890g	550g	620g	700g	1.4 kg	1.4 kg
Đặc điểm	• Kiểu gắn nổi	• Kiểu gắn nổi • Phù hợp với tiêu chuẩn IPX4	• Kiểu gắn nổi	• Chống nước, kiểu gắn trần • Sử dụng cho phòng tắm và phòng xông hơi • Phù hợp tiêu chuẩn IP64	• Chống nước, kiểu gắn trần • Sử dụng cho phòng sạch	• Chống nước, kiểu gắn trần • Sử dụng cho phòng tắm và bể bơi trong nhà • Phù hợp tiêu chuẩn IP64	• Kiểu gắn trần • Kim loại hình cầu • Phù hợp với tiêu chuẩn Anh Quốc số BS 5839-8

Kiểu loa tách rời



CM-760 + CP-73



CM-760 + CP-77



CM-960 + CP-93



CM-960 + CP-97

Công suất (100 V line)	6W	6W	6W	6W
Trở kháng	1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ (phải thay đổi cách đấu dây bên trong)	1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ (phải thay đổi cách đấu dây bên trong)	1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ (phải thay đổi cách đấu dây bên trong)	1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ (phải thay đổi cách đấu dây bên trong)
Cường độ âm (1 W, 1 m)	90 dB	90 dB	92 dB	92 dB
Đáp tuyến tần số	100 - 16,000 Hz	100 - 16,000 Hz	100 - 12,000 Hz	100 - 12,000 Hz
Thành phần loa	Loa hình nón đường kính 12 cm	Loa hình nón đường kính 12 cm	Loa hình nón đường kính 16 cm	Loa hình nón đường kính 16 cm
Đường kính lỗ gắn trần	ø150 mm	ø150 mm	ø200 mm	ø200 mm
Vật liệu	Đơn vị: chống cháy, nhựa styrene / Mặt lưới: nhôm	Đơn vị: chống cháy, nhựa styrene / Mặt lưới: nhôm	Đơn vị: chống cháy, nhựa styrene / Mặt lưới: nhôm kết hợp nhựa styrene	Đơn vị: chống cháy, nhựa styrene / Mặt lưới: nhôm kết hợp nhựa styrene
Khối lượng	630g (CM-760), 70g (CP-73)	630g (CM-760), 70g (CP-77)	850g (CM-960), 70g (CP-93)	850g (CM-960), 70g (CP-97)
Kích thước	CM-760: 215(R) x 134(C) x 89(S) mm CP-73: ø180 x 11(S) mm (vành nhựa ABS)	CM-760: 215(R) x 134(C) x 89(S) mm CP-77: ø180 x 11(S) mm (vành kim loại)	CM-960: 230(R) x 174(C) x 106.5(S) mm CP-93: ø230 x 12(S) mm (vành nhựa ABS)	CM-960: 230(R) x 174(C) x 106.5(S) mm CP-97: ø230 x 12(S) mm (vành kim loại)
Đặc điểm			• Loại tách rời	

LOA TRẦN GẮN TRẦN



Công suất (100 V line)	100V line: 170Ω (60W), 330Ω (30W), 670Ω (15W), 3.3kΩ (3W) 70V line: 83Ω (60W), 170Ω (30W), 330Ω (15W), 670Ω (7.5W), 3.3kΩ (1.5W) 25V line: 83Ω (7.5W), 170Ω (3.7W), 330Ω (1.9W), 670Ω (0.9W), 3.3kΩ (0.2W) 8Ω (120W)
Cường độ âm (1 W, 1 m)	87 dB
Đáp tuyến tần số	60 – 250 Hz
Thành phần loa	Loa hình nón đường kính 16cm
Đường kính lỗ gắn trần	ø250mm
Vật liệu	Vỏ: Bể thép tấm, mạ, Vách ngăn: nhựa ABS chống cháy (UL-94 V-0), màu đen, Rim: nhựa ABS chống cháy (UL-94- V-0), màu trắng (RAL 9016), Mặt lỗ: thép tấm, màu trắng (RAL 9016)
Kích thước	ø280x 198 (S) mm
Khối lượng	6.3 kg

LOA HỘP

Loa hộp gắn tường



BS-634



BS-634T



BS-1034



BS-1034S



BS-680F



BS-680FC

Công suất (100 V line)	6W	10W	6W	6W
Trở kháng	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3kΩ/ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ (mức 3.3 kΩ chỉ có ở BS-634)	100 V line: 1 kΩ, 2 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ/ 70 V line: 500 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ/ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ (mức 10 kΩ chỉ có ở BS-633A)	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ/ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ
Cường độ âm (1 W, 1 m)	90 dB	90 dB	91 dB	94 dB
Đáp tuyến tần số	120 – 18,000 Hz	120 – 20,000 Hz	120 – 20,000 Hz	150 – 20,000 Hz
Thành phần loa	Loa hình nón đường kính 12 cm	Loa trầm: loa hình nón đường kính 12 cm, Loa bổng: loa hình cầu cân bằng	Loa hình nón đường kính 12 cm	Hai loa hình nón đường kính 16 cm
Vật liệu	Màng ngăn: nhựa HIPS, màu trắng nhạ / Mặt lưới: thép mạ màu trắng nhạ	Màng ngăn: nhựa HIPS, màu trắng nhạ Mặt lưới: thép mạ, màu trắng nhạ	Màng ngăn: nhựa HIPS, màu trắng nhạ Mặt lưới: thép mạ, màu trắng nhạ	Màng ngăn: thép mạ, màu trắng nhạ/ Mặt lưới: thép mạ không gỉ, màu trắng nhạ
Kích thước	210(R) x 330(C) x 80(S) mm	210(R) x 330(C) x 80(S) mm	210(R) x 330(C) x 80(S) mm	310(R) x 190(C) x 87.2(S) mm
Khối lượng	1.3 kg	1.4 kg	1.4 kg	2.6 kg
Đặc điểm	• Cấu hình thấp và thiết kế thẩm mỹ	• Cấu hình thấp và thiết kế thẩm mỹ	• Cấu hình thấp và thiết kế thẩm mỹ	• Kiểu gắn âm tường hoặc gắn trên tường • Thân bằng kim loại chắc chắn



BS-678/BS-678B



BS-678T/BS-678BT



BS-633A



BS-633AT



BS-1030B/BS-1030W

Công suất (100 V line)	6W	6W	6W	30W
Trở kháng	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ/ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 6.7 kΩ, 13 kΩ	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ/ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ (mức 10 kΩ chỉ có ở BS-633A)	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ/ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ (mức 10 kΩ chỉ có ở BS-633A)	100 V line: 330 Ω, 500 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ/ 70 V line: 170 Ω, 250 Ω, 330 Ω, 500 Ω, 1 kΩ
Cường độ âm (1 W, 1 m)	94 dB	91 dB	91 dB	90 dB
Đáp tuyến tần số	150 – 20,000 Hz	120 – 20,000 Hz	120 – 20,000 Hz	80 – 20,000 Hz
Thành phần loa	Loa hình nón đường kính 16 cm	Loa hình nón đường kính 12 cm	Loa hình nón đường kính 12 cm	Loa hình nón đường kính 12 cm + kiểu loa hình cầu
Vật liệu	Màng ngăn: bằng gỗ, màu trắng nhạ hoặc đen/ Mặt lưới: thép mạ, màu trắng nhạ hoặc đen	Màng ngăn: nhựa ABS, màu trắng nhạ / Mặt lưới: nhựa ABS, màu trắng nhạ	Màng ngăn: nhựa ABS, màu trắng nhạ / Mặt lưới: thép mạ, màu trắng nhạ	Màng ngăn: nhựa ABS, màu đen hoặc trắng / Mặt lưới: thép mạ, đen hoặc trắng, sơn tĩnh điện
Kích thước	250(R) x 190(C) x 110(S) mm	173(R) x 195(C) x 101(S) mm	173(R) x 195(C) x 101(S) mm	196 (R) x 290 (C) x 150 (S) mm
Khối lượng	1.7 kg	780 g	810 g	2.5 kg
Đặc điểm	• Hiệu năng cao	• Hiệu năng cao	• Hiệu năng cao • Có chiết áp điều chỉnh âm lượng	• Tuân thủ tiêu chuẩn IPX4 • Có công tắc chọn trở kháng cao và trở kháng thấp

HỆ THỐNG LOA VỆ TINH COMPACT



BS-301B (màu đen)/BS-301W (màu trắng)

Công suất phát	Công suất danh định: 160W* x 2 kênh/ Công suất pink noise: 80W* x 2 kênh
Cường độ âm	81 dB (1 W, 1 m)* x 2 kênh
Đáp tuyến tần số	40 – 20,000Hz* x 2 kênh
Khối lượng	13.9 kg (không bao gồm khung gắn)
Loa trầm	Thành phần loa: hình nón đường kính 16 cm x 2 kênh / Vật liệu: mặt trước: nhựa ABS/ Màng ngăn: gỗ, khung gắn loa: thép
Kích thước	210 (R) x 390 (C) x 563 (S) mm / Khối lượng: 11.5 kg (không bao gồm khung gắn)
Loa vệ tinh	Thành phần loa: hình nón đường kính 8 cm / Vật liệu: Màng ngăn, mặt trước: nhựa HIPS/ Khung gắn loa: thép
Kích thước	92 (R) x 97.5 (C) x 100 (S) mm / Khối lượng: 600g (không bao gồm khung gắn)
Bộ sản phẩm gồm	Loa trầm x 1, Loa vệ tinh x 4
Phụ kiện đi kèm	Khung gắn loa trầm (màu trắng hoặc đen) x 4, chân đế và ốc vít cho loa trầm x 4, ốc gắn loa trầm x 1 bộ, ốc gắn khung loa vệ tinh (trắng hoặc đen) x 6, ốc gắn loa vệ tinh và đế ốc x 1 bộ, phần dẫn loa vệ tinh (màu đen hoặc trắng) x 8

* Thông số được đo tại hệ thống với loa trần (trắng hoặc đen) và loa vệ tinh (trắng hoặc đen)

Liên hệ mua hàng chính hãng:
<https://toavietnam.net/> - 0944750037(zalo, imessage)



TOA Electronics Vietnam Co., Ltd

www.toa-vn.com

Đặc tính kỹ thuật có thể được thay đổi mà không thông báo trước.

Ấn phẩm lưu hành nội bộ @Hà nội, tháng 12-2019.

TEV_BRO_039_01_01

LOA NÉN

Loa nén kiểu rời

	TH-650	TH-660
		
Cường độ âm (1 W, 1 m)	110 dB*	110 dB*
Đáp tuyến tần số	200 – 6,000 Hz*	
Vật liệu	Vành loa: nhôm, màu trắng nhạ, sơn tĩnh điện/Khung gắn: thép, màu xám, sơn tĩnh điện	
Kích thước	ø500 – 394 (S) mm	ø600 – 425 (S) mm
Khối lượng	2.9 kg	3.6 kg
Đặc điểm	• Vành loa nén được thiết kế để sử dụng kết hợp với củ loa tùy chọn.	• Vành loa nén được thiết kế để sử dụng kết hợp với củ loa tùy chọn.

*Khi kết hợp với củ loa TU-631/631M/651/651M.

	TU-631	TU-651	TU-631M	TU-651M
				
Công suất	30W	50W	30W	50W
Trở kháng	16Ω	16Ω	100 V line: 330 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ 70 V line: 170 Ω,330 Ω,670 Ω,1kΩ,2kΩ	100 V line: 200 Ω, 330 Ω, 670 Ω 70 V line: 100 Ω, 200 Ω, 330 Ω, 670Ω
Cường độ âm (1 W, 1 m)	110 dB*	110 dB*	110 dB*	110 dB*
Đáp tuyến tần số	150 – 6,000 Hz **	150 – 6,000 Hz **	150 – 6,000 Hz **	150 – 6,000 Hz **
Vật liệu	Vành: nhôm, màu xám, sơn tĩnh điện / Vò: nhựa ABS, màu xám/ Ốc vít: thép không gỉ			
Kích thước	ø139 x 106 (S) mm	ø139 x 106 (S) mm	ø139 x 149 (S) mm	ø139 x 149 (S) mm
Khối lượng	1.4kg	1.9 kg	1.9 kg	2.7 kg
Chống Bụi/Nước	IP65**	IP65**	IP65**	IP65**
Nhiệt độ hoạt động	-20°C tới +60°C	-20°C tới +55°C	-20°C tới +60°C	-20°C tới +55°C
Đặc điểm	• Được thiết kế để sử dụng kết hợp với vành loa tùy chọn		• Được thiết kế để sử dụng kết hợp với vành loa tùy chọn • Củ loa có biến áp	

**Khi kết hợp với vành loa TH-650 và TH-660.

Loa nén liền vành

	TC-615	TC-631	SC-610	SC-615	SC-630	SC-651
						
Công suất	15W	30W	10W	15W	30W	50W
Trở kháng	8Ω	16Ω	8Ω	8Ω	16Ω	16Ω
Cường độ âm (1 W, 1 m)	108 dB	110 dB	110 dB	112 dB	113 dB	109 dB
Đáp tuyến tần số	250 – 7,000 Hz	200 – 6,000 Hz	315 – 12,500 Hz	280 – 12,500 Hz	250 – 10,000 Hz	250 – 6,000Hz
Vật liệu	Vành loa: nhôm, màu trắng nhạ, sơn tĩnh điện/ Phần phản xạ: nhựa ABS, màu trắng nhạ Viền gắn khung: nhôm, màu xám, sơn tĩnh điện/ Khung: thép, màu xám, sơn tĩnh điện					
Kích thước	ø400(R) x 376(S) mm	ø500 (R) x 463(S) mm	172 (R) x 161 (C) x 188 (S) mm	222 (R) x 179 (C) x 234 (S) mm	285 (R) x 227 (C) x 277 (S) mm	430 (R) x 297.5 (C) x 327 (S) mm
Khối lượng	3 kg	4.1 kg	1 kg	1.1 kg	1.7 kg	3.4 kg
Chống Bụi/Nước	IP65	IP65	IP65	IP65	IP65	IP65
Nhiệt độ hoạt động	-20°C tới +55°C	-20°C tới +60°C	-20°C tới +55°C	-20°C tới +55°C	-20°C tới +55°C	-20°C tới +55°C
Đặc điểm	• Vành loa hình tròn làm bằng nhôm chống rung	• Vành loa hình tròn làm bằng nhôm chống rung • Màng loa bằng polyimide chống cháy	• Vành loa hình oval làm bằng nhôm chống rung	• Vành loa hình oval làm bằng nhôm chống rung • Màng loa bằng polyimide chống cháy	• Vành loa hình oval làm bằng nhôm chống rung	• Vành loa hình oval làm bằng nhôm chống rung • Màng loa bằng polyimide chống cháy

	TC-615M	TC-631M	TC-651M	SC-610M	SC-615M	SC-630M
						
Công suất (100 V line)	15W	30W	50W	10W	15W	30W
Trở kháng	100 V line: 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ, 3.3 kΩ 70 V line: 330 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ, 3.3 kΩ	100 V line: 330 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ 70 V line: 170 Ω, 330 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ	100 V line: 200 Ω, 330 Ω, 670 Ω 70 V line: 100 Ω, 200 Ω, 330 Ω, 670 Ω	100 V line: 1 kΩ, 2 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ 70 V line: 500 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ	100 V line: 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ, 3.3 kΩ 70 V line: 330 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ, 3.3 kΩ	100 V line: 330 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ 70 V line: 170 Ω, 330 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ
Cường độ âm (1 W, 1 m)	108 dB	110 dB	111 dB	110 dB	112 dB	113 dB
Đáp tuyến tần số	250 – 7,000 Hz	200 – 6,000 Hz	200 – 6,000 Hz	315 – 12,500 Hz	280 – 12,500 Hz	250 – 10,000 Hz
Vật liệu	Vành loa: nhôm, màu trắng nhạ, sơn tĩnh điện/ Phần phản xạ: nhựa ABS, màu trắng nhạ Viền gắn khung: nhôm, màu xám, sơn tĩnh điện/ Khung: thép, màu xám, sơn tĩnh điện					
Kích thước	ø400(R) x 376(S) mm	ø500 (R) x 463(S) mm	ø400 (R) x 376(S) mm	172 (R) x 161 (C) x 188 (S) mm	222 (R) x 179 (C) x 234 (S) mm	285 (R) x 227 (C) x 277 (S) mm
Khối lượng	3.2 kg	4.5 kg	4 kg	1.2 kg	1.3 kg	2 kg
Chống Bụi/Nước	IP65	IP65	IP65	IP65	IP65	IP65
Nhiệt độ hoạt động	-20°C tới +55°C	-20°C tới +60°C	-20°C tới +60°C	-20°C tới +55°C	-20°C tới +55°C	-20°C tới +55°C
Đặc điểm	• Vành loa hình tròn làm bằng nhôm chống rung	• Vành loa hình tròn làm bằng nhôm chống rung • Màng loa bằng polyimide chống cháy	• Vành loa hình tròn làm bằng nhôm chống rung • Màng loa bằng polyimide chống cháy	• Vành loa hình oval làm bằng nhôm chống rung	• Vành loa hình oval làm bằng nhôm chống rung	• Vành loa hình oval làm bằng nhôm chống rung

LOA HỘP

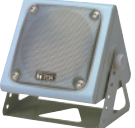
Loa nén chống cháy nổ

	TP-M15E	TP-M15D
		
Công suất (100 V line)	15W	15W
Trở kháng	670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ	670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ
Cường độ âm (1 W, 1 m)	104 dB	104 dB
Đáp tuyến tần số	300 – 5.500 Hz	350 – 4.500 Hz
Vật liệu	Vành loa: Nhôm, thân/tai gắn: Thép tấm không gỉ	
Kích thước	ø392 x 475(S) mm	ø242 x 368(S) mm
Khối lượng	4.9 kg	4.3 kg
Đặc điểm	• Chống cháy nổ	• Chống cháy nổ

Loa nén liền công suất

	SC-P620
	
Nguồn điện	12 V DC, 2A (Sử dụng adapter ngoài)
Công suất (100 V line)	Công suất chuẩn 15W (1.25A), công suất tối đa 25W (2.10A)
Ngõ vào âm thanh	0 dB, 10kΩ, không cân bằng, giắc hoa sen RCA
Mức khuếch đại tín hiệu	8,16,24,32 dB (mặc định nhà máy là 16dB)
Điều chỉnh âm lượng	Điều chỉnh bên trong (mặc định ban đầu là lớn nhất)
Cường độ âm (1 W, 1 m)	113 dB
Đáp tuyến tần số	250 – 10,000 Hz
Tiêu chuẩn chống bụi/nước	IP65
Vật liệu	Vành loa: nhựa HIPS sơn màu trắng (RAL9010) Phần phản xạ và vò: nhựa ABS, sơn màu trắng (RAL9010) Khung, ốc: thép không gỉ
Kích thước	292 (R) x 230 (C) x 280 (S) mm
Khối lượng	1.8 kg

Loa chống nước

	BS-5W
	
Công suất (100 V line)	5W
Cường độ âm (1 W, 1 m)	90 dB
Đáp tuyến tần số	120 – 18,000 Hz
Vật liệu	Màng ngăn: Polypropylene/Mặt lưới: Nhôm đục lỗ, sơn Tai gắn: Thép tấm, mạ kẽm, sơn
Kích thước	198 (R) x 177 (C) x 159 (S) mm
Khối lượng	1.4 kg
Đặc điểm	• Toa toàn dài 10 cm

Loa nén dải rộng

	CS-64	CS-154	CS-304
			
Công suất (100 V line)	6W	15W	30W
Trở kháng	100 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ 70 V line: 830 Ω, 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ	100 V line: 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ 70 V line: 330 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ	100 V line: 330 Ω, 500 Ω, 1 kΩ 70 V line: 170 Ω, 330 Ω, 500 Ω, 1 kΩ
Cường độ âm (1 W, 1 m)	96 dB	97 dB	98 dB
Đáp tuyến tần số	130 – 13.000 Hz	150 – 15.000 Hz	120 – 15.000 Hz
Thành phần loa	Loa hình nón đường kính 12 cm (phủ lớp chống nước)	Loa hình nón đường kính 12 cm	
Vật liệu	Vành loa, vò: nhựa ABS, sơn màu trắng nhạ/ Khung: thép Lưới: bằng kim loại, sơn chống gỉ màu xám đen	Vành loa, vò: nhựa ABS, sơn màu trắng nhạ/ Khung: thép / Lưới: nhôm, màu xám	
Kích thước	233 (R) x 224 (C) x 208 (S) mm	366 (R) x 230 (C) x 272 (S) mm	366 (R) x 230 (C) x 272 (S) mm
Khối lượng	1.5 kg	2.8 kg	3.1 kg
Chống Bụi/Nước	Tương đương với IPX4	IP65	IP65
Đặc điểm	• Ngõ vào thay đổi trở kháng	• Ngõ vào thay đổi trở kháng • Hướng loa cố định (phương ngang 90 độ)	• Ngõ vào thay đổi trở kháng • Hướng loa cố định (phương ngang 90 độ)

LOA SÂN VƯỜN

	GS-302
	
Công suất (100 V line)	30W
Trở kháng	100 V line: 330 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ, 3.3 kΩ 70 V line: 330 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ, 3.3 kΩ
Cường độ âm (1 W, 1 m)	87 dB
Đáp tuyến tần số	100 – 8.000 Hz
Thành phần loa	Loa hình nón chống nước đường kính 12 cm
Vật liệu	Bề mặt bao phủ: nhựa FRP, màu xám đen/ Vành loa: nhựa ABS, màu xám đen/ Chân loa: bằng nhôm, màu xám đen
Kích thước	ø270 x 335(C) mm
Khối lượng	2.4 kg
Chống Bụi/Nước	Tương đương với IPX4
Đặc điểm	• Thiết kế đặc biệt để sử dụng trong vườn

LOA THIẾT KẾ NỘI THẤT

Loa gắn dạng máy chiếu

	PJ-64	PJ-304	PJ-100W	PJ-200W	PE-64	PE-304
						
Công suất (100 V line)	6W	30W	10W	20W	6W	30W
Trở kháng	100 line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ	8Ω, 100 line: 330 Ω, 500 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ 70 V line: 170 Ω, 250 Ω, 330 Ω, 500 Ω, 1 kΩ	50V line: 250 Ω, 500 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ, 4 kΩ/70 V line: 500 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ, 4 kΩ/100 V line: 1 kΩ, 2 kΩ, 4 kΩ	50V line: 125Ω,250 Ω, 500 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ/70 V line: 250 Ω, 500 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ/100 V line: 500 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ	100 line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ 70 V line: 1.7 kΩ, 3.3 kΩ, 10 kΩ	100 line: 330 Ω, 500 Ω, 670 Ω, 1 kΩ, 2 kΩ 70 V line: 170 Ω, 250 Ω, 330 Ω, 500 Ω, 1 kΩ
Cường độ âm (1 W, 1 m)	90 dB	91 dB	92 dB	95 dB	90 dB	91 dB
Đáp tuyến tần số	100 – 18,000 Hz	70 – 20,000 Hz	65 – 15,000 Hz	50 – 20,000 Hz	100 – 18,000 Hz	70 – 20,000 Hz
Thành phần loa	Loa hình nón đường kính12 cm	Loa hình nón ø12 cm + tweeter hình cầu	Loa hình nón đường kính 12 cm	Loa hình nón đường kính 16 cm	Loa hình nón đường kính 12 cm	Loa hình nón ø12 cm + tweeter hình cầu
Vật liệu	Màng ngăn: nhựa HIPS, màu trắng nhạ/Mặt lưới: thép không gỉ, màu trắng nhạ	Màng ngăn: nhựa HIPS, màu trắng nhạ/Mặt lưới: thép không gỉ, màu trắng nhạ	Vỏ: nhựa ABS, màu trắng nhạ/ Giá đỡ: SPCC, màu trắng nhạ		Màng ngăn: nhựa HIPS, màu trắng nhạ/Mặt lưới: kim loại không gỉ, màu trắng nhạ	Màng ngăn: nhựa HIPS, màu trắng nhạ/Mặt lưới: kim loại không gỉ, màu trắng nhạ
Kích thước	ø186 x 369 (C) mm	ø186 x 369 (C) mm	160 (R) x 200 (C) x 195 (S) mm	200 (R) x 255 (C) x 250 (S) mm	ø186 x 251(C) mm (chỉ có loa)	ø186 x 251(C) mm (chỉ có loa)
Khối lượng	1.5 kg	2.1 kg	1.8 kg	2.5 kg	1.5 kg	2.1 kg
Đặc điểm	• Thiết kế theo kiểu đèn treo • Dễ dàng thay đổi trở kháng của loa		• Nhỏ gọn và dễ phóng rộng		• Thiết kế theo kiểu đèn treo • Chiều dài cáp có thể mở rộng lên tới 5m • Dễ dàng thay đổi trở kháng của loa	

Tư vấn giải pháp và mua hàng chính hãng:
<https://toavietnam.net/> - 0944750037(zalo, imessage)

